

Số: **30** /2023/NQ-HĐND

Đắk Lắk, ngày **07** tháng 12 năm 2023

NGHỊ QUYẾT

**Quy định định mức lập dự toán thực hiện nhiệm vụ
khoa học và công nghệ cấp tỉnh, cấp cơ sở sử dụng
ngân sách Nhà nước trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk**

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH ĐẮK LẮK
KHOÁ X, KỲ HỌP THỨ BẢY**

*Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;
Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức
Chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;*

Căn cứ Luật Khoa học và Công nghệ ngày 18 tháng 6 năm 2013;

Căn cứ Luật Ngân sách Nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;

*Căn cứ Nghị định số 08/2014/NĐ-CP ngày 27 tháng 01 năm 2014 của
Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Khoa
học và Công nghệ;*

*Căn cứ Nghị định số 95/2014/NĐ-CP ngày 17 tháng 10 năm 2014 của
Chính phủ quy định về đầu tư và cơ chế tài chính đối với hoạt động khoa học và
công nghệ;*

*Căn cứ Thông tư số 03/2023/TT-BTC ngày 10 tháng 01 năm 2023 của Bộ
trưởng Bộ Tài chính quy định lập dự toán, quản lý sử dụng và quyết toán kinh phí
ngân sách Nhà nước thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ;*

*Căn cứ Thông tư số 02/2023/TT-BKHCN ngày 08 tháng 5 năm 2023 của Bộ
trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ hướng dẫn nội dung chuyên môn phục vụ
công tác xây dựng dự toán thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ có sử dụng
ngân sách Nhà nước;*

*Xét Tờ trình số 189/TTr-UBND ngày 28 tháng 11 năm 2023 của Ủy ban
nhân dân tỉnh Đắk Lắk đề nghị ban hành Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh
quy định định mức lập dự toán thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp
tỉnh, cấp cơ sở sử dụng ngân sách Nhà nước trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk; Báo cáo
thẩm tra số 272/BC-HĐND ngày 05 tháng 12 năm 2023 của Ban Kinh tế - Ngân
sách, Hội đồng nhân dân tỉnh; ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân
tỉnh tại kỳ họp.*

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh

a) Nghị quyết này quy định định mức lập dự toán thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp tỉnh, cấp cơ sở có sử dụng ngân sách Nhà nước trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk.

b) Các nội dung liên quan đến định mức chi lập dự toán thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ sử dụng ngân sách Nhà nước cấp tỉnh, cấp cơ sở không quy định tại Nghị quyết này, được thực hiện theo quy định tại Thông tư số 03/2023/TT-BTC ngày 10 tháng 01 năm 2023 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định lập dự toán, quản lý sử dụng và quyết toán kinh phí ngân sách Nhà nước thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ; Thông tư số 02/2023/TT-BKHCN ngày 08 tháng 5 năm 2023 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ hướng dẫn nội dung chuyên môn phục vụ công tác xây dựng dự toán thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ có sử dụng ngân sách Nhà nước và quy định pháp luật hiện hành có liên quan.

c) Ngoài ra, Nghị quyết này còn quy định các khoản chi khác liên quan trực tiếp đến hoạt động quản lý nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp tỉnh, cấp cơ sở có sử dụng ngân sách Nhà nước trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk.

2. Đối tượng áp dụng

a) Nghị quyết này áp dụng đối với các cơ quan quản lý và cơ quan có thẩm quyền phê duyệt nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp tỉnh, cấp cơ sở có sử dụng ngân sách Nhà nước trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk.

b) Các tổ chức, cá nhân thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp tỉnh, cấp cơ sở có sử dụng ngân sách Nhà nước trên địa bàn tỉnh và các tổ chức, cá nhân khác có liên quan.

Điều 2. Định mức lập dự toán thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ

1. Dự toán chi thù lao tham gia nhiệm vụ khoa học và công nghệ

a) Dự toán chi thù lao đối với chức danh chủ nhiệm nhiệm vụ cấp tỉnh là 26.000.000 đồng/người/tháng, cấp cơ sở là 22.000.000 đồng/người/tháng.

b) Dự toán chi thuê lao động phổ thông hỗ trợ các công việc trong nội dung nghiên cứu (nếu có) được áp theo quy định về mức lương tối thiểu vùng cao nhất tại địa phương (mức tiền công thuê theo ngày tính theo mức lương tháng chia cho 22 ngày).

2. Dự toán chi thuê chuyên gia trong nước và ngoài nước phối hợp nghiên cứu

a) Thuê chuyên gia trong nước

Trong trường hợp nhiệm vụ khoa học và công nghệ được cơ quan quản lý nhiệm vụ phê duyệt nội dung và dự toán thuê chuyên gia trong nước thì tổng dự toán kinh phí thực hiện nội dung chi thuê chuyên gia không quá 30% tổng dự toán kinh phí quy định tại khoản 1 Điều này; trường hợp vượt quá quy định, tổ chức chủ trì thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ phải giải trình cụ thể lý do để cơ quan có thẩm quyền phê duyệt nhiệm vụ khoa học và công nghệ có sử dụng ngân sách Nhà nước xem xét, quyết định dự toán kinh phí thực hiện nhiệm vụ.

b) Thuê chuyên gia ngoài nước

Trong trường hợp nhiệm vụ khoa học và công nghệ được cơ quan quản lý nhiệm vụ phê duyệt nội dung và mức thù lao thuê chuyên gia ngoài nước thì tổng dự toán kinh phí thực hiện nội dung chi thuê chuyên gia không quá 50% tổng dự toán kinh phí quy định tại khoản 1 Điều này; trường hợp vượt quá quy định, tổ chức chủ trì thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ phải giải trình cụ thể lý do để cơ quan có thẩm quyền phê duyệt nhiệm vụ khoa học và công nghệ có sử dụng ngân sách Nhà nước xem xét, quyết định dự toán kinh phí thực hiện nhiệm vụ.

3. Dự toán chi hội nghị, hội thảo khoa học, diễn đàn, tọa đàm khoa học, công tác phí trong nước, hợp tác quốc tế (đoàn ra, đoàn vào) phục vụ hoạt động nghiên cứu

a) Dự toán chi thù lao tham gia hội thảo khoa học, diễn đàn, tọa đàm khoa học

Đơn vị tính: 1.000 đồng

TT	Nội dung	Đơn vị tính	Nhiệm vụ KH&CN cấp tỉnh	Nhiệm vụ KH&CN cấp cơ sở
1	Người chủ trì	Người/buổi	1.500	1.000
2	Thư ký hội thảo khoa học, diễn đàn, tọa đàm khoa học	Người/buổi	400	300
3	Báo cáo viên trình bày tại hội thảo khoa học, diễn đàn, tọa đàm khoa học	Báo cáo	2.000	1.200
4	Báo cáo khoa học được cơ quan tổ chức hội thảo đề nghị viết báo cáo nhưng không trình bày tại hội thảo	Báo cáo	1.000	700
5	Thành viên tham gia hội thảo khoa học, diễn đàn, tọa đàm khoa học	Thành viên/buổi	200	150

b) Các nội dung chi khác: Thực hiện theo các quy định tại Nghị quyết số 30/2017/NQ-HĐND ngày 11 tháng 10 năm 2017 của Hội đồng nhân dân tỉnh Đắk Lắk quy định mức chi chế độ công tác phí, chế độ chi hội nghị trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk; Nghị quyết số 04/2019/NQ-HĐND ngày 10 tháng 7 năm 2019 của Hội đồng nhân dân tỉnh Đắk Lắk quy định chế độ chi tiếp khách nước ngoài, chế độ chi tổ chức các hội nghị, hội thảo quốc tế và chế độ chi tiếp khách trong nước trên địa bàn tỉnh; Thông tư số 102/2012/TT-BTC ngày 21 tháng 6 năm 2012 của

Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định chế độ công tác phí cho cán bộ, công chức Nhà nước đi công tác ngắn hạn ở nước ngoài do ngân sách Nhà nước bảo đảm kinh phí.

4. Dự toán chi điều tra, khảo sát thu thập số liệu: Thực hiện theo các quy định tại Nghị quyết số 22/2017/NQ-HĐND ngày 13 tháng 7 năm 2017 của Hội đồng nhân dân tỉnh Đắk Lắk về việc quy định nội dung chi, mức chi thực hiện các cuộc điều tra thống kê do ngân sách địa phương bảo đảm trên bàn tỉnh Đắk Lắk và Thông tư số 37/2022/TT-BTC ngày 22 tháng 6 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung khoản 9 Điều 3 và Mẫu số 01 kèm theo Thông tư số 109/2016/TT-BTC ngày 30 tháng 6 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định lập dự toán, quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí thực hiện các cuộc điều tra thống kê, tổng điều tra thống kê quốc gia.

5. Dự toán chi hợp tự đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ (nếu có) được xây dựng trên cơ sở số lượng thành viên tham gia đánh giá với mức chi không quá 50% mức chi cho hội đồng nghiệm thu nhiệm vụ khoa học và công nghệ quy định tại điểm a khoản 1 Điều 3 Nghị quyết này.

6. Dự toán chi quản lý chung nhiệm vụ khoa học và công nghệ được tính bằng 5% tổng dự toán kinh phí thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ có sử dụng ngân sách Nhà nước nhưng tối đa không quá 150.000.000 đồng/nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp tỉnh và 100.000.000 đồng/nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp cơ sở.

Điều 3. Định mức chi quản lý nhiệm vụ nhiệm vụ khoa học và công nghệ

1. Dự toán chi hoạt động của các Hội đồng tư vấn khoa học và công nghệ

a) Dự toán chi tiền thù lao

Đơn vị tính: 1.000 đồng

TT	Nội dung công việc	Đơn vị tính	Nhiệm vụ KH&CN cấp tỉnh	Nhiệm vụ KH&CN cấp cơ sở
1	Chi tư vấn xác định nhiệm vụ khoa học và công nghệ			
a	Chi hợp Hội đồng tư vấn xác định nhiệm vụ khoa học và công nghệ, Hội đồng mở hồ sơ các nhiệm vụ KH&CN tuyển chọn	Hội đồng		
	Chủ tịch hội đồng		1.000	700
	Phó Chủ tịch Hội đồng; thành viên hội đồng		700	500
	Thư ký khoa học		250	200
	Thư ký hành chính		250	200

TT	Nội dung công việc	Đơn vị tính	Nhiệm vụ KH&CN cấp tỉnh	Nhiệm vụ KH&CN cấp cơ sở
	Đại biểu được mời tham dự		200	150
b	Chi nhận xét đánh giá	01 phiếu nhận xét đánh giá		
	Nhận xét đánh giá của ủy viên Hội đồng		300	200
	Nhận xét đánh giá của ủy viên phản biện trong Hội đồng		500	400
c	Chi thù lao xây dựng yêu cầu đặt hàng đối với các nhiệm vụ đề xuất thực hiện	Nhiệm vụ		
	Chủ tịch Hội đồng		500	400
	Phó Chủ tịch Hội đồng; thành viên Hội đồng		300	200
2	Chi về tư vấn tuyển chọn, giao trực tiếp tổ chức, cá nhân chủ trì nhiệm vụ khoa học và công nghệ			
a	Chi họp Hội đồng tư vấn tuyển chọn, giao trực tiếp tổ chức, cá nhân chủ trì nhiệm vụ khoa học và công nghệ	Hội đồng		
	Chủ tịch Hội đồng		1.300	1.000
	Phó Chủ tịch Hội đồng; thành viên Hội đồng		1.000	700
	Thư ký khoa học		250	200
	Thư ký hành chính		250	200
	Đại biểu được mời tham dự		200	150
b	Chi nhận xét đánh giá	01 phiếu nhận xét đánh giá		
	Nhận xét đánh giá của ủy viên Hội đồng		500	400
	Nhận xét đánh giá của ủy viên phản biện trong Hội đồng		700	500
3	Chi tư vấn đánh giá nghiệm thu chính thức nhiệm vụ khoa học và công nghệ			
a	Chi họp Hội đồng nghiệm thu	Nhiệm vụ		
	Chủ tịch Hội đồng		1.300	1.000

TT	Nội dung công việc	Đơn vị tính	Nhiệm vụ KH&CN cấp tỉnh	Nhiệm vụ KH&CN cấp cơ sở
	Phó Chủ tịch Hội đồng; thành viên Hội đồng		1.000	700
	Thư ký khoa học		250	200
	Thư ký hành chính		250	200
	Đại biểu được mời tham dự		200	150
b	Chi nhận xét đánh giá	01 phiếu nhận xét đánh giá		
	Nhận xét đánh giá của ủy viên Hội đồng		500	400
	Nhận xét đánh giá của ủy viên phản biện trong Hội đồng		700	500
4	Chi thù lao chuyên gia xử lý các vấn đề kỹ thuật hỗ trợ cho hoạt động của Hội đồng	Chuyên gia	1.000	700

b) Dự toán chi hoạt động của các Hội đồng tư vấn khác được quy định tại Thông tư quản lý nhiệm vụ khoa học và công nghệ của Bộ Khoa học và Công nghệ (nếu có) được áp dụng tối đa bằng 50% mức chi của Hội đồng tư vấn đánh giá nghiệm thu quy định tại điểm a khoản 1 Điều này.

2. Dự toán chi hoạt động của tổ thẩm định kinh phí thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ

a) Dự toán chi tiền thù lao

Đơn vị tính: 1.000 đồng

TT	Nội dung	ĐVT	Nhiệm vụ KH&CN cấp tỉnh	Nhiệm vụ KH&CN cấp cơ sở
1	Tổ trưởng tổ thẩm định	Nhiệm vụ	800	600
2	Thành viên tổ thẩm định	Nhiệm vụ	600	400
3	Thư ký hành chính	Nhiệm vụ	250	200
4	Đại biểu được mời tham dự	Nhiệm vụ	200	150

b) Dự toán chi hậu cần phục vụ hoạt động của tổ thẩm định được xây dựng dự toán trên cơ sở dự kiến khối lượng công việc và các quy định hiện hành của pháp luật.

3. Dự toán chi thuê chuyên gia tư vấn độc lập: Tổng mức dự toán được tính tối đa bằng 5 lần mức chi thù lao (gồm tiền hợp Hội đồng của Chủ tịch Hội đồng và chi nhận xét đánh giá của ủy viên phản biện trong Hội đồng) của Hội đồng

tương ứng và do cơ quan có thẩm quyền quản lý nhiệm vụ khoa học và công nghệ quyết định và chịu trách nhiệm.

4. Dự toán chi công tác kiểm tra, đánh giá trong quá trình thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ; kiểm tra, đánh giá sau khi giao quyền sở hữu, quyền sử dụng kết quả nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ.

a) Dự toán chi công tác phí cho đoàn kiểm tra đánh giá được áp dụng theo quy định tại điểm b khoản 3 Điều 2 Nghị quyết này.

b) Dự toán chi tiền công cho Hội đồng đánh giá nhiệm vụ khoa học và công nghệ (trong trường hợp cần thiết có Hội đồng đánh giá) được áp dụng tối đa bằng 50% mức chi của Hội đồng tư vấn đánh giá nghiệm thu nhiệm vụ khoa học và công nghệ quy định tại điểm a khoản 1 Điều này.

5. Dự toán chi hội nghị, hội thảo khoa học phục vụ công tác quản lý nhiệm vụ, chương trình khoa học và công nghệ (nếu có) được áp dụng theo quy định tại khoản 3 Điều 2 Nghị quyết này.

6. Dự toán chi khác liên quan trực tiếp đến hoạt động quản lý nhiệm vụ khoa học và công nghệ.

a) Dự toán chi tham gia các cuộc họp Hội đồng tư vấn của cơ quan quản lý: Mức chi tối đa không quá 80% mức chi của thành viên hội đồng tương ứng.

b) Dự toán chi họp của Hội đồng khoa học cấp tỉnh, các Ban Chủ nhiệm và Ban thư ký: Chủ tịch Hội đồng, Chủ nhiệm, Trưởng ban: 600.000 đồng/người/buổi; Phó Chủ tịch Hội đồng, Phó Chủ nhiệm, Phó Trưởng Ban và thư ký: 500.000 đồng/người/buổi; Ủy viên Hội đồng: 400.000 đồng/người/buổi; Đại biểu: 200.000 đồng/người/buổi.

Mức chi hỗ trợ đối với cuộc họp Hội đồng khoa học và công nghệ cấp cơ sở áp dụng không quá 80% mức chi của Hội đồng khoa học và công nghệ cấp tỉnh.

c) Dự toán chi phí mời các chuyên gia, nhà khoa học ngoài tỉnh tham gia các Hội đồng tư vấn tuyển chọn, xét giao trực tiếp, nghiệm thu cấp tỉnh, cấp cơ sở: Được hỗ trợ tiền công tác phí và phụ cấp lưu trú theo các quy định hiện hành.

Điều 4. Kinh phí thực hiện

Nguồn kinh phí sự nghiệp khoa học và công nghệ bố trí trong dự toán ngân sách Nhà nước hàng năm cho Sở Khoa học và Công nghệ hoặc đơn vị được giao quản lý Nhà nước về khoa học và công nghệ trên địa bàn tỉnh.

Điều 5. Tổ chức thực hiện

1. Giao Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức thực hiện Nghị quyết này và báo cáo Hội đồng nhân dân tỉnh tại các kỳ họp.

2. Giao Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, các Ban của Hội đồng nhân dân tỉnh, Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh có trách nhiệm giám sát việc triển khai, thực hiện Nghị quyết này.

Điều 6. Hiệu lực thi hành

1. Trường hợp các văn bản được dẫn chiếu tại Nghị quyết này được sửa đổi, bổ sung, thay thế thì áp dụng theo văn bản sửa đổi, bổ sung, thay thế đó.

2. Nghị quyết này được Hội đồng nhân dân tỉnh Đắk Lắk khóa X, Kỳ họp thứ Bảy thông qua ngày 07 tháng 12 năm 2023, có hiệu lực kể từ ngày 17 tháng 12 năm 2023 và bãi bỏ Quyết định số 27/2016/QĐ-UBND ngày 20 tháng 9 năm 2016 của Ủy ban nhân dân tỉnh Đắk Lắk ban hành Quy định một số định mức xây dựng, phân bổ dự toán kinh phí đối với nhiệm vụ khoa học và công nghệ có sử dụng ngân sách Nhà nước trên địa bàn tỉnh.

3. Đối với các nhiệm vụ khoa học và công nghệ thuộc danh mục nhiệm vụ khoa học và công nghệ được phê duyệt trước ngày Nghị quyết này có hiệu lực thì tiếp tục thực hiện theo các quy định tại thời điểm phê duyệt cho đến khi kết thúc thời gian thực hiện nhiệm vụ./.

Nơi nhận:

- Như Điều 5;
- Ủy ban Thường vụ Quốc hội;
- Chính phủ;
- Ban Công tác Đại biểu;
- Cục Kiểm tra VBQPPL - Bộ Tư pháp;
- Vụ Pháp chế - Bộ KH&CN;
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Đoàn ĐBQH tỉnh, Ủy ban MTTQVN tỉnh;
- Các sở, ban, ngành ở tỉnh;
- Văn phòng: Tỉnh ủy, UBND tỉnh;
- Văn phòng Đoàn ĐBQH và HĐND tỉnh;
- TT. HĐND, UBND các huyện, thị xã, thành phố;
- HĐND, UBND các xã, phường, thị trấn (UBND cấp huyện sao gửi);
- Báo Đắk Lắk, Đài PT-TH tỉnh;
- Trung tâm CN và Công TTĐT tỉnh;
- Lưu: VT, CT HĐND.



CHỦ TỊCH

Huỳnh Thị Chiến Hòa